

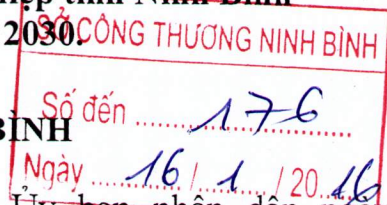
Số: **1496**/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày **31** tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Ninh Bình
đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH



Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006;

Căn cứ Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số: 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09/02/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu; Thông tư 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ văn bản số 13451/BCT-CNĐP ngày 29/12/2015 của Bộ Công thương về việc thỏa thuận Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Ninh Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2323/TTr-KHĐT ngày 31/12/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Ninh Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Quy hoạch: Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Ninh Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Quan điểm phát triển

- Quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp (CCN) trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2030 phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển công nghiệp, quy

hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển đô thị, các khu dân cư và các quy hoạch chuyên ngành khác trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển CCN trên cơ sở sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm, nhất là đất trồng lúa.

- Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Ninh Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 cần xử lý những tồn tại, hạn chế (nếu có) của các cụm công nghiệp đã có quyết định thành lập, các điểm sản xuất công nghiệp.

- Phát triển các CCN có quy mô hợp lý (không nên nhỏ hơn 10 ha/cụm), hạn chế tối đa việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất khi đã có quy hoạch.

- Phát triển cụm công nghiệp dựa trên nền tảng phát huy tối đa, sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong nước, đồng thời huy động mạnh mẽ nguồn lực đầu tư nước ngoài để thúc đẩy nâng cao khả năng cạnh tranh, thúc đẩy xuất khẩu và hội nhập quốc tế.

- Phát triển cụm công nghiệp phải đảm bảo cơ sở hạ tầng thuận lợi, gắn với vùng nguyên liệu, nguồn lao động; gắn với đảm bảo an ninh quốc phòng, yêu cầu bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển công nghiệp hợp lý.

3. Mục tiêu phát triển

3.1. Mục tiêu phát triển chung

- Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Ninh Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 nhằm đáp ứng nhu cầu mặt bằng phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là những doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ; gắn kết với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nhằm thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Hoàn chỉnh hệ thống xử lý nước thải, chất thải trong quá trình điều chỉnh quy mô các cụm công nghiệp hiện hữu.

3.2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2016-2020:

- Mở rộng 02 CCN có điều kiện phát triển thuận lợi: CCN Mai Sơn (huyện Yên Mô), CCN Đồng Hương (huyện Kim Sơn) với tổng diện tích tăng thêm là 40 ha.

- Điều chỉnh giảm diện tích 2 CCN là CCN Cầu Yên và CCN Ninh Phong (thành phố Ninh Bình) với tổng diện tích là 22,59 ha.

- Thành lập mới 10 CCN với tổng diện tích giai đoạn I là 214 ha.

Như vậy, giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh sẽ có 24 CCN với tổng diện tích 565,5 ha.

b) Giai đoạn 2021-2025:

Phân đầu đưa tổng diện tích đất các CCN trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 lên khoảng 946,3 ha, với 25 CCN, trong đó: Thành lập mới 1 CCN (diện tích 40 ha) và mở rộng 15 CCN với tổng diện tích tăng thêm là 340,8 ha. Trong giai đoạn này tập trung thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng CCN và đầu tư các cơ sở sản xuất, dịch vụ vào CCN để đến năm 2025, phân đầu đưa tỷ lệ lấp đầy bình quân các CCN trên địa bàn tỉnh lên (70-75)% diện tích đất công nghiệp cho thuê.

4. Định hướng phát triển

- Phát triển các CCN của tỉnh với quy mô phù hợp theo từng giai đoạn nhằm định hướng dành quỹ đất, đầu tư cơ sở hạ tầng có trọng tâm, trọng điểm vào các khu vực có tiềm năng để tạo điều kiện đón đầu thu hút đầu tư khi hàng loạt các hiệp định tự do thương mại đã ký kết sắp có hiệu lực. Ưu tiên thành lập các CCN nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu mở rộng mặt bằng sản xuất cũng như di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm và có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư.

- Phát triển các CCN cần đảm bảo tính hiệu quả do tận dụng được hạ tầng cơ sở và các tiện ích dịch vụ công cộng, giảm chi phí xây dựng ban đầu, đưa nhanh các công trình đầu tư vào hoạt động. Đảm bảo vệ sinh môi trường do việc bố trí các CCN tách khỏi khu vực dân cư và sử dụng hợp lý các công trình kỹ thuật xử lý chất thải công nghiệp.

- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư vốn của các loại hình kinh tế trong và ngoài nước xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.

5. Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

5.1. Quy hoạch phát triển CCN theo giai đoạn phát triển

a) Giai đoạn 2016-2020:

Đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh sẽ hình thành 24 CCN với tổng diện tích đất là 565,5 ha. Trong đó, có 14 CCN đã được quy hoạch từ trước và quy hoạch thành lập mới 10 CCN. Số lượng các CCN quy hoạch khá lớn nhằm tạo điều kiện cho các nhà đầu tư lựa chọn.

Trong số 14 CCN đã quy hoạch từ trước, sau khi rà soát và thống nhất với UBND các huyện, thành phố thì có 2 CCN của thành phố Ninh Bình cắt giảm diện tích cho phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị Ninh Bình với tổng diện tích giảm 22,59 ha; có 02 CCN sẽ mở rộng diện tích (CCN Mai Sơn, huyện Yên Mô và CCN Đồng Hương, huyện Kim Sơn) với tổng diện tích tăng thêm là 40 ha.

Trong số 10 CCN quy hoạch mới, có 4 CCN thuộc huyện Gia Viễn (CCN Gia Thắng - Gia Tiến; CCN Gia Phú, CCN Gia Vân và CCN Gia Phú - Liên Sơn); 2 CCN thuộc huyện Yên Mô (CCN Yên Thổ và CCN Yên Lâm) và 4 CCN thuộc huyện Yên Khánh (CCN Khánh Hồng, CCN Khánh Thành, CCN Khánh Hải I và CCN Khánh Hải II). Đa số các CCN quy hoạch mới đều có diện tích khá lớn từ 23-50 ha (trừ CCN Yên Thổ có diện tích 14 ha) nên đều được chia giai đoạn để đầu tư phát triển cho phù hợp với khả năng đầu tư kết cấu hạ tầng và thu hút đầu tư vào CCN.

b) Giai đoạn 2021-2025:

Trong giai đoạn này, quy hoạch mới thêm 1 CCN Khánh Tiên với tổng diện tích là 40 ha; đầu tư mở rộng 15 CCN (CCN Gia Thắng - Gia Tiến, CCN Gia Phú, CCN Gia Phú - Liên Sơn, CCN Gia Vân, CCN Ninh Hải, CCN Mai Sơn, CCN Khánh Thượng, CCN Yên Lâm, CCN Khánh Hải I, CCN Khánh Hải II, CCN Khánh Hồng, CCN Khánh Thành, CCN Đồng Phong, CCN Xích Thổ và CCN Đồng Hương) với tổng diện tích tăng thêm là 340,8 ha. Đầu tư hoàn thiện hạ tầng

kỹ thuật các CCN còn lại và tập trung thu hút đầu tư vào các CCN để lấp đầy (70-75)% diện tích có thể cho thuê.

c) Định hướng đến năm 2030:

Theo dự báo, Giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh trong giai đoạn 2026-2030 tăng trưởng trung bình khoảng 10%/năm, kéo theo nhu cầu đất quy hoạch phát triển lên khoảng 5.800 ha. Trong đó, nhu cầu đất quy hoạch cho phát triển CCN cần khoảng 1.450 ha. So với năm 2025, diện tích đất quy hoạch CCN cần tăng thêm khoảng 500 ha. Để đáp ứng nhu cầu phát triển, cần nghiên cứu các điều kiện cụ thể của 25 CCN đã có để lựa chọn đầu tư mở rộng khoảng 8-10 CCN (như: CCN Gia Vân, CCN Gia Phú - Liên Sơn, CCN Xích Thổ, CCN Khánh Thượng, CCN Yên Lâm, CCN Khánh Hải, ...) và đầu tư mới thêm khoảng 6-8 CCN.

5.2. Quy hoạch phát triển và phân bố CCN theo huyện, thành phố:

a) *Thành phố Ninh Bình:* Đến năm 2020 có 2 CCN với tổng diện tích 27,1ha; đến năm 2025 giữ nguyên diện tích của 2 CCN trên.

b) *Huyện Hoa Lư:* Đến năm 2020 có 2 CCN với tổng diện tích 50,64 ha; đến năm 2025 mở rộng CCN Ninh Hải với diện tích 17,8 ha. Tổng số diện tích quy hoạch 02 CCN đến năm 2025 là 68,44 ha.

c) *Huyện Gia Viễn:* Đến năm 2020 có 5 CCN với tổng diện tích 116,32 ha; đến năm 2025 mở rộng thêm 80 ha của 4 CCN. Tổng diện tích quy hoạch 5 CCN trên địa bàn huyện đến năm 2025 là 196,32 ha.

d) *Huyện Nho Quan:* Đến năm 2020 có 4 CCN với tổng diện tích 111,4 ha; đến năm 2025 mở rộng thêm 60 ha của 2 CCN. Tổng diện tích quy hoạch 4 CCN trên địa bàn huyện đến năm 2025 là 171,4 ha.

đ) *Huyện Yên Khánh:* Đến năm 2020 có 6 CCN với diện tích 123,94 ha; đến năm 2025 mở rộng thêm 04 CCN với diện tích tăng thêm 93ha và lập mới 1 CCN với diện tích 40 ha. Tổng diện tích quy hoạch 7 CCN trên địa bàn huyện đến năm 2025 là 256,94 ha.

g) *Huyện Yên Mô:* Đến năm 2020 có 4 CCN với diện tích 88,98 ha; đến năm 2025 mở rộng thêm diện tích của 3 CCN với diện tích là 70 ha. Tổng diện tích quy hoạch 4 CCN trên địa bàn huyện đến năm 2025 là 158,98 ha.

h) *Huyện Kim Sơn:* Đến năm 2020 có 1 CCN với diện tích 47,12 ha; đến năm 2025 mở rộng thêm diện tích 20 ha. Tổng diện tích quy hoạch CCN trên địa bàn huyện đến năm 2025 với diện tích là 67,12 ha.

(Chi tiết các CCN theo Phụ lục đính kèm).

5.3. Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư xây dựng hạ tầng các CCN trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2016-2025 khoảng 3.314 tỷ đồng, trong đó:

Giai đoạn 2016-2020: 1.791 tỷ đồng.

Giai đoạn 2021-2025: 1.523 tỷ đồng.

5.4. Nhu cầu lao động trong cụm công nghiệp:

- Nhu cầu lao động làm việc trong các CCN đến năm 2020 là 31.760 người; số lao động tăng thêm trong giai đoạn 2016-2020 là 20.207 người.

- Nhu cầu lao động làm việc trong các CCN đến năm 2025 là 52.690 người; số lao động tăng thêm trong giai đoạn 2021-2025 là 21.300 người.

6. Các giải pháp và chính sách phát triển CCN

6.1. Giải pháp về quy hoạch và quản lý:

- Quản lý Quy hoạch phát triển CCN trên địa bàn tỉnh phù hợp với biến động của nền kinh tế.

- Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý trong tỉnh, trong đó bổ sung chức năng, nhiệm vụ của đơn vị kinh doanh hạ tầng CCN.

- Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả đầu tư tại các CCN. Theo dõi, đánh giá tình hình triển khai thực tế, đề xuất phương án xử lý đối với các CCN, tích cực tháo gỡ các vướng mắc (nếu có), đảm bảo hiệu quả hoạt động của các CCN.

6.2. Giải pháp về môi trường đầu tư:

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, cần sự phối hợp kịp thời và có hiệu quả của các cơ quan quản lý Nhà nước trên địa bàn.

- Củng cố bộ máy quản lý nhà nước để thực sự trở thành bộ máy dịch vụ hành chính thuận tiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp không phân biệt loại hình kinh tế. Nâng cao năng lực của các cơ sở dịch vụ công như: Hải quan, cảng vụ, kiểm tra thị trường, an toàn vệ sinh môi trường... để phục vụ tốt hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Lấy doanh nghiệp làm trọng tâm phục vụ; luôn đồng hành cùng doanh nghiệp trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện và thực hiện tốt quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính theo mô hình “Một cửa liên thông”.

- Khuyến khích mọi loại hình kinh tế tham gia đầu tư sản xuất công nghiệp; lựa chọn thứ tự ưu tiên đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp đã được quy hoạch.

6.3. Giải pháp về vốn đầu tư:

- Vốn ngân sách chủ yếu hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng, hỗ trợ đầu tư hạ tầng giao thông đầu nối vào các cụm công nghiệp; tập trung huy động các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp được tiếp cận nguồn vốn tín dụng một cách thuận lợi.

- Đẩy mạnh thu hút nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các nguồn vốn từ các chương trình, dự án của Chính phủ và ODA. Tăng cường huy động các nguồn vốn trong nước khác thông qua các hình thức thu hút đầu tư trực tiếp, hợp tác, liên kết, liên doanh của các tập đoàn, các công ty lớn, các ngành và các thành phố lớn trong cả nước.

- Tăng cường huy động vốn mới trên thị trường tài chính, thị trường chứng khoán và thị trường tiền tệ như phát hành trái phiếu, tín phiếu với sự đảm bảo bằng ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương cho các công trình trọng điểm trên địa bàn.

Áp dụng việc đầu tư trực tiếp từ các tổ chức ngân hàng, bảo hiểm... vào công nghiệp như một thành viên góp vốn.

6.4. Giải pháp về nguồn nhân lực:

- Lập kế hoạch phối hợp với các đơn vị đào tạo nghề, các doanh nghiệp đến đầu tư trên địa bàn mở các lớp đào tạo nhằm nâng cao trình độ tay nghề cho đội ngũ lao động tại chỗ, đảm bảo đủ điều kiện để được tuyển dụng vào làm việc tại các CCN.

- Ưu tiên đào tạo lao động bị mất đất sản xuất cho xây dựng CCN để vừa đáp ứng yêu cầu về chất lượng lao động, vừa ổn định đời sống, đảm bảo an sinh xã hội.

- Xây dựng mạng lưới đào tạo nghề sát với thực tiễn, lưu ý đến cơ cấu chuyên môn (nhân lực cho quản lý, điều hành; nhân lực chuyên môn nghiệp vụ cao; công nhân kỹ thuật). Đa dạng hoá phương thức đào tạo (như: Đào tạo tập trung hoặc đào tạo ngay tại doanh nghiệp), chương trình cơ bản kết hợp chương trình đặc thù theo yêu cầu của doanh nghiệp.

- Tăng cường dịch vụ tư vấn, môi giới và cung ứng nguồn lao động nhằm tạo điều kiện cho người lao động và người sử dụng lao động dễ dàng tiếp cận với nhau khi có nhu cầu.

6.5. Giải pháp bảo vệ môi trường:

- Xây dựng hạ tầng CCN đồng bộ, đặc biệt chú ý xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung. Đối với các CCN không xây dựng hệ thống xử lý tập trung, yêu cầu từng doanh nghiệp trong CCN phải tự xây dựng hệ thống xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định mới được xả thải ra hệ thống chung của CCN.

- Thực hiện nghiêm chỉnh các giải pháp về kỹ thuật, giải pháp về quản lý bảo vệ môi trường. Giám sát lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Công thương:

- Là cơ quan đầu mối, giúp UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các CCN trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì xây dựng và bổ sung quy hoạch, kế hoạch phát triển CCN trình UBND tỉnh phê duyệt, đồng thời triển khai tổ chức thực hiện theo quy định.

- Thẩm định hồ sơ thành lập, mở rộng CCN trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định; tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng CCN và các dự án đầu tư xây dựng công trình trong CCN theo thẩm quyền.

- Đề xuất và thực hiện quy định liên quan đến phát triển CCN. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc đề xuất các cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và kêu gọi, thu hút đầu tư vào các CCN.

- Tổng hợp, đánh giá và báo cáo tình hình hoạt động của các CCN;

- Quản lý hoạt động của các doanh nghiệp trong CCN theo thẩm quyền.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Công thương và các đơn vị có liên quan:

- Tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách cấp đầu tư cho phát triển kết cấu hạ tầng CCN trong các kế hoạch hàng năm và trung hạn.

- Tham mưu, đề xuất các cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư đầu tư vào các CCN.

- Là cơ quan đầu mối trong việc kêu gọi, thu hút các dự án đầu tư vào CCN.

3. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, đề xuất và trình UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền các văn bản về cơ chế, chính sách tài chính (thuế, phí, lệ phí,...) để tạo điều kiện thuận lợi cho thu hút đầu tư vào CCN và hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trong CCN.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương trong việc cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách hàng năm hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng CCN.

- Thực hiện các nhiệm vụ liên quan khác trong quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển các CCN trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

4. Sở Xây dựng:

- Thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch xây dựng CCN thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh theo Luật Xây dựng và các quy định về quy hoạch xây dựng.

- Cấp phép xây dựng các dự án theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh.

- Thực hiện các nhiệm vụ quản lý hoạt động xây dựng khác trong CCN theo quy định của pháp luật.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì trong việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để thực hiện Quy hoạch phát triển các CCN đến 2025 và định hướng đến năm 2030. Thẩm định về nhu cầu sử dụng đất, vị trí, diện tích của cụm công nghiệp dự kiến thành lập, phát triển và mở rộng cụm công nghiệp. Thực hiện việc rà soát, đánh giá công tác quản lý, sử dụng đất của các doanh nghiệp

- Thẩm định hồ sơ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất đối với các tổ chức sử dụng đất trong cụm công nghiệp, trình UBND tỉnh quyết định và tổ chức thực hiện. Ký hợp đồng thuê đất, hoàn thiện hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho tổ chức sử dụng đất trong cụm công nghiệp;

- Là cơ quan đầu mối, giúp UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong các CCN.

- Thực hiện các nhiệm vụ liên quan khác trong quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển các CCN trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

6. Sở Lao động và Thương binh - Xã hội:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan thường xuyên hướng dẫn, giúp đỡ, kiểm tra các doanh nghiệp trong việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động (nhất là về đơn giá, định mức, an toàn lao động) theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ liên quan khác trong quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển các CCN trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

7. Sở Giao thông Vận tải:

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển giao thông vận tải đảm bảo sự kết nối giữa các CCN với hệ thống giao thông công cộng.

- Nghiên cứu, tham mưu về huy động các nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông kết nối với các CCN.

8. Các sở, ban, ngành khác có liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp với cơ quan chủ trì triển khai các nhiệm vụ để thực hiện Quy hoạch phát triển các CCN trên địa bàn tỉnh.

9. UBND các huyện, thành phố:

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước đối với Cụm công nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo việc lập hồ sơ thành lập, phát triển mở rộng, bổ sung quy hoạch, lập quy hoạch chi tiết dự án đầu tư xây dựng cụm công nghiệp trên địa bàn quản lý và tổ chức thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc và UBND các xã, phường, thị trấn ở địa phương thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Bộ Công thương (để b/c);
 - Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
 - Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Thành ủy các thành phố Ninh Bình, Tam Điệp;
 - Huyện ủy các huyện: Nho Quan, Gia Viễn, Hoa Lư, Yên Khánh, Yên Mô, Kim Sơn;
 - Công báo Ninh Bình;
 - Website tỉnh;
 - Lưu VT, VP4,2,3.
- vv.QH37

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Thạch



PHỤ LỤC DANH MỤC CỤM CÔNG NGHIỆP TỈNH NINH BÌNH ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: **1496/QĐ-UBND** ngày **31** /12/2015 của UBND tỉnh)

TT	Cụm công nghiệp	Địa điểm	Diện tích (ha)			Tính chất cụm công nghiệp
			Đến năm 2020	Giai đoạn 2021-2025	Tổng đến năm 2025	
1	2	3	4	5	6	7
I	Thành phố Ninh Bình		27,1	0	27,1	
1	CCN Cầu Yên	Phường Ninh Phong	14,1	0	14,1	Thu hút các dự án sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, thêu ren, may mặc
2	CCN Ninh Phong	Phường Ninh Phong	13	0	13	Thu hút các dự án về chế biến gỗ, sản phẩm gia dụng; sản xuất thủ công mỹ nghệ, may mặc, cơ khí
II	Huyện Gia Viễn		116,32	80	196,32	
3	CCN Gia Sinh	Xã Gia Sinh	16,32	0	16,32	Thu hút các dự án sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, dịch vụ thương mại
4	CCN Gia Thắng - Gia Tiến	Xã Gia Thắng, xã Gia Tiến	20	20	40	Thu hút công nghiệp công nghệ sạch
5	CCN Gia Phú	Xã Gia Phú	30	20	50	Thu hút công nghiệp công nghệ sạch
6	CCN Gia Phú - Liên Sơn	Xã Gia Phú	20	20	40	Thu hút công nghiệp công nghệ sạch
7	CCN Gia Vân	Xã Gia Vân	30	20	50	Thu hút công nghiệp công nghệ sạch
III	Huyện Hoa Lư		50,64	17,8	68,44	
8	CCN đá mỹ nghệ Ninh Vân	Xã Ninh Vân	30,64	0	30,64	Thu hút các dự án về chế tác đá mỹ nghệ
9	CCN Ninh Hải	Xã Ninh Hải	20	17,8	37,8	Thu hút các dự án sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, thêu ren phục vụ du lịch
IV	Huyện Yên Mô		88,98	70	158,98	
10	CCN Mai Sơn	Xã Mai Sơn	24,98	20	44,98	Thu hút các dự án may mặc, hàng tiêu dùng; sản xuất thủ công mỹ nghệ; chế biến lương thực thực phẩm; sửa chữa cơ khí
11	CCN Khánh Thượng	Xã Khánh Thượng	30	20	50	Thu hút các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho sản xuất lắp ráp ô tô, dệt may, linh kiện điện tử

TT	Cụm công nghiệp	Địa điểm	Diện tích (ha)			Tính chất cụm công nghiệp
			Đến năm 2020	Giai đoạn 2021-2025	Tổng đến năm 2025	
1	2	3	4	5	6	7
12	CCN Yên Thỏ	TT Yên Thịnh	14	0	14	Thu hút các dự án sản xuất may mặc, hàng tiêu dùng, thủ công mỹ nghệ
13	CCN Yên Lâm	Xã Yên Lâm	20	30	50	Thu hút các dự án sản xuất may mặc, hàng tiêu dùng, thủ công mỹ nghệ; chế biến lương thực, thực phẩm
V	Huyện Nho Quan		111,4	60	171,4	
14	CCN Đồng Phong	Xã Đồng Phong	20	30	50	Thu hút các dự án chế biến nông, lâm sản, thực phẩm và thức ăn gia súc; cơ khí; sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, may mặc
15	CCN Phú Sơn	Xã Phú Sơn	43,19	0	43,19	Thu hút các dự án sản xuất VLXD như: Xi măng, gạch xây dựng
16	CCN Sơn Lai	Xã Sơn Lai và xã Quảng Lạc	28,21	0	28,21	Thu hút các dự án về chế biến nông, lâm sản và công nghiệp khác
17	CCN Xích Thỏ	Xã Xích Thỏ	20	30	50	Thu hút các dự án về chế biến nông, lâm sản, hóa chất, vật liệu xây dựng và công nghiệp khác
VI	Huyện Yên Khánh		123,94	133	256,94	
18	CCN Yên Ninh	Thị trấn Yên Ninh	6,76	0	6,76	Thu hút các dự án về may mặc; cơ khí; chế biến thức ăn gia súc; thủ công mỹ nghệ
19	CCN Khánh Nhạc	Xã Khánh Nhạc	37,18	0	37,18	Thu hút các dự án sản xuất giấy da; chế biến lương thực thực phẩm; sản xuất thủ công mỹ nghệ; sửa chữa cơ khí.
20	CCN Khánh Hồng	Xã Khánh Hồng	10	13	23	Thu hút các dự án may mặc; gia công cơ khí; chế biến nông, lâm sản, thực phẩm
21	CCN Khánh Thành	Xã Khánh Thành	30	20	50	Thu hút các dự án về may mặc, điện tử, gia công cơ khí, chế biến nông lâm sản; kho trung chuyển



TT	Cụm công nghiệp	Địa điểm	Diện tích (ha)			Tính chất cụm công nghiệp
			Đến năm 2020	Giai đoạn 2021-2025	Tổng đến năm 2025	
1	2	3	4	5	6	7
22	CCN Khánh Tiên	Xã Khánh Tiên	0	40	40	Thu hút các dự án sản xuất may mặc, hàng tiêu dùng, thủ công mỹ nghệ, công nghiệp khác
23	CCN Khánh Hải I	Xã Khánh Hải	20	30	50	Thu hút các dự án về may mặc; gia công cơ khí; chế biến nông, lâm sản, thực phẩm
24	CCN Khánh Hải II	Xã Khánh Hải	20	30	50	Thu hút các dự án về may mặc; điện tử; gia công cơ khí; chế biến nông, lâm sản, thực phẩm
VII	Huyện Kim Sơn		47,12	20	67,12	
25	CCN Đồng Hương	Xã Đồng Hương	47,12	20	67,12	Thu hút các dự án về sản xuất cói, bèo, bẹ chuối xuất khẩu; chế biến thủy hải sản; sản xuất rượu
Tổng cộng:			598,5	347,8	946,3	